

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG TỰ BẢO VỆ CHO HỌC SINH TIỂU HỌC Ở CÁC HUYỆN MIỀN NÚI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN LÊ THY GIANG⁽¹⁾

Tóm tắt: Bài viết đã khảo sát và phân tích làm rõ thực trạng hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học ở các huyện miền núi thành phố Hà Nội. Trên cơ sở đó, bài viết đã phân tích chỉ ra một số vấn đề đặt ra đối với hoạt động quản lý giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học trên địa bàn nghiên cứu.

Từ khóa: Giáo dục; kỹ năng tự bảo vệ; miền núi; Hà Nội.

Abstract: The article studied the situation of self-defense education for primary school students in mountainous provinces in Hanoi. Implications on the management of self-defense education for primary school students in mountainous provinces in Hanoi were discussed.

Keywords: Education; self-defense skill; mountainous province; Hanoi.

Ngày nhận bài: 15/11/2018; Ngày sửa bài: 15/01/2019; Ngày duyệt đăng bài: 24/4/2019.

1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Thủ đô Hà Nội sau khi được mở rộng⁽¹⁾ có diện tích tự nhiên 334.470,02 ha, lớn gấp hơn 3 lần trước đây và đứng vào top 17 Thủ đô trên thế giới có diện tích rộng nhất; dân số tăng hơn gấp rưỡi, hơn 6,2 triệu người, hiện nay là hơn 7 triệu người; gồm 30 đơn vị hành chính cấp quận, huyện, thị xã, 577 xã, phường, thị trấn. Các huyện miền núi thành phố Hà Nội hiện nay có 5 huyện là Quốc Oai, Ba Vì, Thạch Thất, Mỹ Đức, Chương Mỹ⁽²⁾. Đây là các huyện có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Tuy nhiên, cho đến nay, đây vẫn là khu vực nghèo nhất ở Thủ đô Hà Nội.

Các huyện miền núi của thành phố Hà Nội với diện tích tự nhiên khá lớn (chiếm 57% diện tích của Thủ đô Hà Nội) và số dân của 44 dân tộc anh em trên địa bàn chiếm gần 15% dân số của Thủ đô Hà Nội. Do điều kiện tự nhiên và địa lý, nhân dân các huyện miền núi thành phố Hà Nội

sống trên một diện tích rộng lớn, có nơi còn thưa thớt. Điều kiện kinh tế và các phong tục riêng của các dân tộc đã ảnh hưởng nhiều đến nền văn hóa trong khu vực. Nhiều nét văn hóa đặc sắc mang đậm tính dân tộc cần được gìn giữ, bảo tồn và phát huy nhưng vẫn còn không ít những phong tục lạc hậu tồn tại trong xã hội cần loại bỏ. Cũng xuất phát từ điều kiện địa lý, nền kinh tế thấp, trình độ dân trí không cao và chịu ảnh hưởng nhiều về những phong tục, tập quán của người dân tộc, miền núi mà lối sống và quan hệ cũng có những nét riêng biệt.

Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi chỉ khảo sát ở 3 huyện miền núi của

⁽¹⁾ NCS. Khoa Tâm lý - Giáo dục, Học viện Khoa học xã hội.

⁽²⁾ Ngày 29/5/2008, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết điều chỉnh địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội và các tỉnh, có hiệu lực từ 1/8/2008.

⁽³⁾ UBND Thành phố Hà Nội, Kế hoạch Số 138/KH-UBND, ngày 15 tháng 07 năm 2016.

Hà Nội là Ba Vì, Thạch Thất và Quốc Oai. Trong địa bàn khảo sát, huyện Quốc Oai có 25 trường tiểu học, Ba Vì có 35 trường và Thạch Thất có 27 trường tiểu học. Số lượng trường được khảo sát như sau: ở huyện Ba Vì, khảo sát 2 trường: Tiểu học Minh Quang thuộc xã Minh Quang, Tiểu học Khánh Thượng B thuộc xã Khánh Thượng; ở huyện Quốc Oai là trường: Tiểu học Phú Mãn xã Phú Mãn; Huyện Thạch Thất là Tiểu học Tiến Xuân A xã Tiến Xuân.

Mục tiêu khảo sát: Nhằm đánh giá khách quan thực trạng quản lý giáo dục kỹ năng tự bảo vệ (KNTBV) cho học sinh tiểu học ở các huyện miền núi thành phố Hà Nội, khái quát những việc đã làm được và chưa làm được, phân tích nguyên nhân những hạn chế, tồn tại.

Nội dung điều tra khảo sát: Phân tích các văn bản quản lý của nhà trường, những văn bản liên quan đến công việc của nhà trường nói chung và quản lý giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học nói riêng. Khảo sát ý kiến của các cấp quản lý, của Hiệu trưởng và giáo viên các trường tiểu học về quản lý giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học.

Địa bàn điều tra khảo sát: Xem xét các văn bản chỉ đạo, các báo cáo tổng kết, hồ sơ lưu trữ về quản lý giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học để tiến hành thu thập, xử lý thông tin; khảo sát ý kiến theo phiếu khảo sát. Tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi qua phiếu hỏi với sự tham gia của cán bộ, giáo viên.

Phương pháp điều tra khảo sát và xử lý kết quả: Để khảo sát thực trạng quản lý giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học ở các huyện miền núi thành phố Hà Nội, chúng tôi tiến hành xây dựng mẫu phiếu

trung cầu ý kiến dành cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh.

Việc xử lý kết quả các phiếu trung cầu dựa vào phương pháp toán thống kê định lượng kết quả nghiên cứu. Ở đây, chúng tôi sử dụng hai phương pháp đánh giá là: định lượng theo tỷ lệ % và phương pháp cho điểm.

2. Thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học

Từ kết quả điều tra, khảo sát, phân tích, chúng tôi khái quát thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học ở các huyện miền núi thành phố Hà Nội trên các phương diện sau:

Thứ nhất, về mục đích giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học trên địa bàn các huyện miền núi của Hà Nội.

Giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học nói chung nhằm 3 mục tiêu: Giáo dục về nhận thức; giáo dục về thái độ; và rèn luyện kỹ năng.

Qua kết quả điều tra, khảo sát với những số liệu cụ thể mà chúng tôi thu được, cho thấy: "*Mục tiêu giáo dục về nhận thức*" cho học sinh tiểu học được đánh giá "Tốt", cao nhất trong số 3 mục tiêu đưa ra. Đây là mục tiêu cần thiết và chiếm vị trí thứ 1 trong 3 mục tiêu, bởi nếu học sinh nhận thức đúng về vai trò của KNTBV trong thời điểm hiện nay, họ mới biết tránh xa cạm bẫy, chuẩn đoán những tình huống nguy hiểm, biết tìm kiếm nơi an toàn và biết tìm kiếm người hỗ trợ, đồng thời biết tố cáo thái độ lên án, phê phán những hành vi xâm phạm, ảnh hưởng đến sự an toàn. "*Mục tiêu giáo dục về thái độ*" chiếm thứ hạng 2/3, "*Mục tiêu rèn luyện kỹ năng*" chiếm thứ hạng 3/3. Xã hội ngày càng hiện đại, chất lượng cuộc sống của con người càng được nâng lên, nhưng cũng kéo nhiều mặt trái. Đặc biệt, trong đó có

những nguy cơ luôn rình rập các em như: bị bắt cóc, bị lạm dụng, bị lôi kéo vào việc sử dụng chất gây nghiện,... Với mục tiêu giáo dục đủ 3 mặt nhận thức, thái độ, kỹ năng này sẽ làm thay đổi cả nhận thức và hành động của học sinh, là cơ hội để các em thể hiện kỹ năng, giúp các em dự đoán được tình huống một cách có kiến thức, có kinh nghiệm, đảm bảo sự an toàn cho bản thân, tránh được những nguy hiểm, tránh bị lạm dụng, giúp các em biết trân trọng bản thân mình. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố mà mục tiêu về mặt kỹ năng này chưa được đánh giá cao, đúng vai trò, vị trí của nó.

Điều đó cho thấy, mục tiêu giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học đã đạt được ở một mức độ nhất định, giúp cho học sinh có thể tự điều chỉnh các hành vi, kỹ năng để tự tin bước vào cuộc sống... Kết quả khảo sát cũng phần nào cho thấy giáo dục KNTBV còn nặng về cung cấp hiểu biết, chưa thật sự nâng cao kỹ năng, truyền tâm huyết, cảm hứng để học sinh có thể tự điều chỉnh, học hỏi để thông qua đó, tự điều chỉnh bản thân.

Thứ hai, về nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học.

Thực trạng nội dung giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học được chúng tôi khảo sát theo 8 nội dung: 1/ Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng; 2/ Nhận biết và phòng tránh một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. Hướng dẫn học sinh cần biết gọi tới số điện thoại nào trong trường hợp khẩn cấp; 3/ Giáo dục cho học sinh nhận thức về giới tính, và những hành động xâm phạm thân thể và biết cảnh giác, phòng ngừa kẻ xấu lạm dụng, có hành động tránh xa, cảnh báo, lên án và dứt

khoát; 4/ Giáo dục cho học sinh nhận thức được các biểu hiện của quấy rối tình dục. Biết thể hiện thái độ tiêu cực làm các em cảm thấy khó chịu, có dự cảm hoặc cảm xúc tiêu cực một cách mạnh mẽ. Từ đó có hành động tránh xa, cảnh báo, lên án và dứt khoát; 5/ Giáo dục học sinh biết nhận thức được trường hợp sẽ phải cảnh báo và đe dọa và biết tìm kiếm người trợ giúp; 6/ Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép; 7/ Hướng dẫn học sinh cách tìm kiếm trợ giúp hoặc cách thức tìm kiếm nơi an toàn khi bị lạc; 8/ Hướng dẫn học sinh những bước sơ cứu cơ bản.

Kết quả khảo sát cho thấy: Nội dung *Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng* được đánh giá là nội dung quan trọng nhất. Tiếp đó là nội dung *Giáo dục cho học sinh nhận thức về giới tính, và những hành động xâm phạm thân thể và biết cảnh giác, phòng ngừa kẻ xấu lạm dụng, có hành động tránh xa, cảnh báo, lên án và dứt khoát* và nội dung *Nhận biết và phòng tránh một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. Hướng dẫn học sinh cần biết gọi tới số điện thoại nào trong trường hợp khẩn cấp.* Tuy nhiên, một số nội dung nhận được mức độ đánh giá thấp, như: *Hướng dẫn học sinh những bước sơ cứu cơ bản; Giáo dục học sinh biết nhận thức được trường hợp sẽ phải cảnh báo và đe dọa và biết tìm kiếm người trợ giúp; Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.*

Kết quả khảo sát đó cho thấy, nội dung giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học hiện nay ở các trường tiểu học cần tập trung vào 3 nội dung cơ bản. Đó là: 1. Kỹ

năng phòng tránh nơi nguy hiểm, nhận biết những dấu hiệu nguy hiểm; 2. kỹ năng cứu cứu, và 3. kỹ năng đảm bảo an toàn ở gia đình. Đặc biệt, nội dung “giáo dục giới tính, tránh xâm phạm thân thể và tình dục” cũng cần phải được quan tâm và lồng ghép trong các tiết dạy, bởi đây là nội dung cần thiết và quan trọng cho trẻ trong điều kiện sống của xã hội hiện đại.

Thứ ba, thực trạng hình thức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học. Hiệu quả giáo dục KNTBV phụ thuộc vào việc sử dụng phong phú các phương pháp, hình thức bồi dưỡng. Thực trạng vấn đề này được chúng tôi tiến hành khảo sát theo 6 hình thức giáo dục: 1/ Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh thông qua các môn học; 2/ Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học; 3/ Thông qua các hội thi, cuộc thi: thi viết, thi vẽ, thi tìm hiểu, đố vui, giải ô chữ, thi tiểu phẩm, thiết kế thời trang, kể chuyện, chụp ảnh, thuyết trình, tạo video clip,... về một chủ đề nào đó; 4/ Hình thức, phương pháp có tính trình diễn: diễn đàn, giao lưu, sân khấu hóa, tổ chức trò chơi,...; 5/ Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ thông qua phương thức tự giáo dục; 6/ Gắn giáo dục kỹ năng tự bảo vệ với hoạt động thực tiễn.

Với 6 hình thức chủ yếu mà chúng tôi nêu ra trong phiếu điều tra, qua ý kiến đánh giá của giáo viên, cán bộ quản lý thì mức độ thực hiện được thể hiện ở 5 mức độ, từ hoàn toàn không thực hiện đến rất thường xuyên.

Kết quả cụ thể như sau: Hình thức được các trường sử dụng nhiều nhất là “Giáo dục KNTBV thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học”. Thực tế tìm hiểu cho thấy, trước tình trạng quá rối và xâm hại tình dục trẻ em diễn

ra phức tạp trong thời gian qua, làm ảnh hưởng tới tâm sinh lý của các em học sinh và gây ra sự lo lắng, quan tâm của các bậc cha mẹ học sinh và dư luận xã hội. Do vậy, các trường đã ý thức được điều này và tổ chức lồng ghép giáo dục KNTBV, giáo dục KNTBV cho học sinh để nâng cao nhận thức cho các em nhằm tự bảo vệ bản thân tốt hơn trong cộng đồng. Chương trình giúp học sinh tiểu học hình thành những hành vi, thói quen lành mạnh, thái độ tích cực; loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong sinh hoạt, học tập, rèn luyện. Đồng thời, tạo cơ hội thuận lợi để học sinh tiểu học thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình và phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần. Bên cạnh đó, chương trình cũng góp phần định hướng, trang bị cho các em học sinh kỹ năng cần thiết để chủ động giải quyết các vấn đề của bản thân cũng như xử lý các tình huống đa dạng trong đời sống gia đình, nhà trường và xã hội.

Hình thức được lựa chọn tiếp theo là: Tổ chức giáo dục thông qua *Hình thức, phương pháp có tính trình diễn: diễn đàn, giao lưu, sân khấu hóa, tổ chức trò chơi,...* và sau đó là hình thức *Thông qua các hội thi, cuộc thi: thi viết, thi vẽ, thi tìm hiểu, đố vui, giải ô chữ, thi tiểu phẩm, thiết kế thời trang, kể chuyện, chụp ảnh, thuyết trình, tạo video clip,...* về một chủ đề nào đó.

Tuy nhiên, hình thức *Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ thông qua phương thức tự giáo dục; Gắn giáo dục kỹ năng tự bảo vệ với hoạt động thực tiễn* chưa được các trường triển khai rộng rãi... Theo đánh giá chung của giáo viên và cán bộ quản lý, hiệu quả của những hình thức tổ chức đã được tiến hành chưa cao. Nguyên nhân do học sinh còn nhút nhát, chưa tích cực tham gia

hoạt động; giáo viên chưa được đào tạo bài bản, thiếu kỹ năng và năng lực tổ chức các hoạt động, khả năng huy động lực lượng tham gia còn chưa tốt; hơn nữa điều kiện sân bãi, phòng học, thiết bị chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động.

Như vậy, có thể nói đa số giáo viên chưa chú trọng giáo dục KNTBV cho học sinh. Chưa thường xuyên sử dụng các hình thức tổ chức dạy học tích cực, phát huy tính sáng tạo và kỹ năng của học sinh. Bên cạnh đó, chưa xác định được mục tiêu giáo dục KNTBV một cách cụ thể trong việc xây dựng giáo án. Học sinh thiếu kỹ năng xử lý các tình huống trong giờ học. Còn giáo viên tổng phụ trách hay giáo viên các bộ môn thì chỉ quan tâm tới nội dung hoạt động, chưa chú trọng bồi dưỡng kỹ năng cho các em.

Kết quả khảo sát cho thấy: Hoạt động dạy và học chiếm thời lượng nhiều nhất thời gian đến trường của học sinh 11 môn học được các chuyên gia biên soạn thành chương trình giáo dục để hình thành từ kỹ năng cơ bản đến các KNTBV, những kỹ năng thoát hiểm, kỹ năng phòng tránh lạm dụng... được coi là con đường có tác động lớn nhất đến sự hình thành và phát triển KNTBV cho học sinh lại là con đường mà cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá có tác động ít nhất. Đây quả là một dấu hiệu đáng lo ngại về quan điểm lệch lạc trong giáo dục KNTBV cho học sinh ở các trường tiểu học. Các con đường khác, như câu lạc bộ sở thích, vui chơi giải trí hay khoa học kỹ thuật, tham quan dã ngoại, hội nghị, cũng có tác động đáng kể. Song, ở trường tiểu học, cái nổi hình thành nên những kỹ năng cơ bản của cuộc đời mỗi người, từ kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đến ứng xử ban đầu của trẻ với mọi người và nhân

quan của trẻ với thế giới xung quanh phải được quan tâm giáo dục nhiều trong các môn học và các hoạt động giáo dục. Vì thế, đối tượng chính của quá trình dạy học, giáo dục là cán bộ quản lý và giáo viên phải nhận thức được điều này để tổ chức thực hiện giáo dục KNTBV cho học sinh đạt hiệu quả cao.

Thứ tư, về phương pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học.

Thực trạng phương pháp giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học ở các huyện miền núi thành phố Hà Nội được chúng tôi khảo sát theo 7 nội dung sau: 1/ Phương pháp động não; 2/ Phương pháp phân tích tình huống; 3/ Phương pháp dùng lời nói (kể chuyện, trò chuyện, giải thích); 4/ Phương pháp thực hành; 5/ Phương pháp đóng vai; 6/ Phương pháp tổ chức trò chơi; 7/ Phương pháp nêu gương.

Kết quả khảo sát các phương pháp tổ chức giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học các huyện miền núi thành phố Hà Nội cho thấy: Phương pháp được các nhà trường thực hiện đạt kết quả cao nhất là *Phương pháp dùng lời nói (kể chuyện, trò chuyện, giải thích)*. Tiếp đó, xếp thứ 2 *Phương pháp phân tích tình huống* và thứ 3 là *Phương pháp nêu gương*.

Các phương pháp, như: Phương pháp thực hành; Phương pháp đóng vai; Phương pháp tổ chức trò chơi... là những phương pháp tác động vào giác quan, tạo thói quen, kỹ năng rèn luyện giúp học sinh ghi nhớ, tác động mạnh vào trí nhớ, tư duy, trí tưởng tượng của học sinh, chưa được giáo viên chú trọng. Do vậy, trong thời gian tới, các trường tiểu học cần tăng kinh phí, cũng như tăng cường bồi dưỡng đội ngũ giáo viên để tổ chức đa dạng, phong phú các phương pháp giáo dục KNTBV cho học sinh.

3. Một số nhận xét từ thực trạng hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học ở các huyện miền núi Thủ đô Hà Nội

Qua phân tích kết quả khảo sát thực trạng giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học ở các huyện miền núi Thủ đô Hà Nội (4 trường thuộc 3 huyện: Ba Vì, Quốc Oanh và Thạch Thất) cho phép chúng tôi rút ra một số nhận xét sau đây:

Một là, bước đầu, các trường ở các huyện này đã hình thành quan điểm tích cực về giáo dục KNTBV cho học sinh. Biểu hiện ở chỗ, một bộ phận cán bộ quản lý và giáo viên đã nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học. Một số trường đã thực hiện theo sự hướng dẫn của các văn bản mang tính pháp lí. Một số trường cũng đã xây dựng và bố trí lực lượng giáo dục thực hiện giáo dục KNTBV cho học sinh. Nhiều trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch cụ thể và tiến hành thực hiện theo kế hoạch đề ra. Một số ít trường có các biện pháp tổ chức, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học. Một số trường còn xây dựng được cơ chế quản lý và phối hợp quản lý việc giáo dục KNTBV cho học sinh giữa các lực lượng giáo dục. Nhiều trường làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục KNTBV và phần nào đáp ứng được một số điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ giáo dục KNTBV.

Hai là, việc xây dựng kế hoạch giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học đầu đã có nhiều cố gắng, nhưng về thực chất, *kế hoạch đó chưa thể coi là bài bản, thậm chí còn chưa đạt yêu cầu, quản lý nội dung chương trình của cán bộ quản lý còn nhiều yếu kém*. Việc lập kế hoạch giáo dục KNTBV chưa có sự hướng dẫn

cụ thể, thống nhất. Hiệu trưởng nhiều trường được khảo sát chưa quan tâm đến công tác xây dựng kế hoạch giáo dục KNTBV và khi duyệt kế hoạch còn mang tính hình thức, chưa chú ý đến nội dung. Kế hoạch thường chỉ do cá nhân tự xây dựng, chưa có sự phối hợp của các tổ chức trong nhà trường như chuyên môn, tổ khối, tổng phụ trách đội,... Việc chỉ đạo tổ chức thực hiện còn rời rạc, chưa cụ thể, rõ ràng thiếu các văn bản hướng dẫn chuyên sâu về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học, thiếu sự đầu tư về chất lượng.

Ba là, qui trình thiết lập bộ máy và bố trí nhân sự ở các nhà trường chưa được thực hiện một cách bài bản, thiếu sự đầu tư cho công tác nhân sự tổ chức thực hiện giáo dục KNTBV cho học sinh. Chưa xây dựng được cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong việc giáo dục KNTBV cho học sinh. Các lực lượng giáo dục chưa nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục KNTBV đối với sự hình thành và phát triển nhân cách học sinh, do vậy đã dẫn đến việc các nhà trường chưa chú trọng giáo dục KNTBV cho học sinh.

Bốn là, hình thức giáo dục KNTBV chưa phong phú, nội dung nghèo nàn, chưa phù hợp với nguyện vọng học sinh và do vậy, chưa lôi cuốn, tạo sức hấp dẫn đối với học sinh. Nhà trường chưa dành nhiều kinh phí cho hoạt động, ngại tốn kém. Tổ chức quản lý chưa chặt chẽ, việc kiểm tra đánh giá chưa thường xuyên, công tác tổng kết, rút kinh nghiệm chưa được quan tâm đúng mức. Việc bồi dưỡng năng lực giáo dục KNTBV cho giáo viên còn bị xem nhẹ, chưa được đầu tư. Chính vì vậy, kỹ năng tổ chức của giáo viên bị hạn chế, chỉ bám sát nội dung theo sách

hướng dẫn, thiếu sáng tạo các ý tưởng hoạt động. Đặc biệt, *nhiều giáo viên thiếu kiến thức, kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục KNTBV*, công tác bồi dưỡng kiến thức cho các lực lượng quản lý và giáo viên chưa được chú trọng.

Năm là, nhận thức của các chủ thể giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học ở các huyện miền núi thành phố Hà Nội cũng còn hạn chế, thiếu đồng bộ về mục tiêu, vai trò, vị trí của hoạt động giáo dục này. Một số cán bộ quản lý, giáo viên chưa nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học; tâm lý ngại khó còn xuất hiện ở nhiều giáo viên. Phần lớn các Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giáo viên, học sinh và chủ thể giáo dục khác, nhận thức chưa đúng mức về vai trò của giáo dục KNTBV, do vậy chưa quan tâm đầu tư thích đáng cho quản lý và tổ chức hoạt động này. Mặt khác, bộ phận đảm trách trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục KNTBV chính là ban chỉ đạo giáo dục KNTBV, nhưng lại chưa phát huy hết năng lực chỉ đạo, điều hành của mình. Họ chưa kiện toàn, phát huy vai trò chỉ đạo của giáo viên chủ nhiệm, các lực lượng giáo dục, trong việc lựa chọn nội dung, chương trình, cách thức tổ chức, quản lý giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học phù hợp với điều kiện hiện có của các huyện miền núi thành phố Hà Nội.

Các em học sinh chưa hiểu rõ về vai trò, tác dụng, bản chất của các giáo dục KNTBV trong việc phát triển toàn diện. Điều này là do chưa đầu tư đúng mức cho giáo dục nhận thức, sự phát triển tâm sinh lý chưa đầy đủ, gia đình chưa tạo điều kiện tốt nhất cho các em được tham gia vào quá trình giáo dục KNTBV.

Phụ huynh chưa nhận thức đầy đủ vai trò, tác dụng của giáo dục KNTBV trong quá trình học tập và rèn luyện của con em họ, bởi họ chưa được tuyên truyền về giáo dục KNTBV. Kinh phí và điều kiện vật chất đảm bảo còn hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giáo dục KNTBV.

Chưa có sự quan tâm đúng mực cho việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục KNTBV, khoán trắng cho giáo viên chủ nhiệm hoặc Đội. Chưa có sự phối hợp của các lực lượng trong và ngoài trường. Một số ít phụ huynh học sinh chưa tạo điều kiện cho con em tham gia vào giáo dục KNTBV, chỉ chú trọng vào hoạt động học chính khóa và các môn văn hóa.

Đa số giáo viên không được đào tạo về lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức giáo dục KNTBV trong trường sư phạm, nên việc tổ chức giáo dục KNTBV chỉ trông chờ vào sự hứng thú, ham thích và nhu cầu của bản thân một số giáo viên chủ nhiệm trong trường; chủ đề nào cũng tổ chức theo một hình thức, mô hình có sẵn nên học sinh dễ nhàm chán. Do đó, hiệu quả của việc quản lý, tổ chức hoạt động này bị hạn chế. Có những giáo viên, về mặt hình thức, chấp hành rất nghiêm túc, và trên thực tế, chú tâm cho việc soạn bài giảng. Song, trong quá trình thực hiện, lại tiến hành không như phương án đã đưa ra, mà thường cho các em chơi các trò chơi mà các em ưa thích, hay múa hát tập thể mà không chú trọng nội dung đã thiết kế theo chủ đề. Ngoài ra, một số giáo viên chỉ chú trọng đến giờ dạy chính khóa, việc tổ chức giáo dục KNTBV giao khoán cho lớp trưởng. Một số giáo viên chưa có kinh nghiệm trong tổ chức giáo dục KNTBV. Giáo viên chưa đầu tư thời gian

cho việc tìm tòi tư liệu, phương thức và hình thức tổ chức giáo dục KNTBV nên chưa thu hút được học sinh tham gia vào các hoạt động này.

Sáu là, việc kiểm tra, đánh giá giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học ở các huyện miền núi thành phố Hà Nội còn lỏng lẻo, hình thức. Chưa có hệ thống tiêu chí đánh giá công tác quản lý cũng như thực hiện giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học. Các trường, mặc dù đã có kế hoạch và tổ chức thực hiện, song chưa sát sao trong công tác kiểm tra, đánh giá, thiếu các tiêu chí đánh giá cụ thể nên khó tiến hành các hoạt động kiểm tra, vì thế hiệu quả của công tác giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học các huyện miền núi thành phố Hà Nội chưa cao.

Tóm lại, với thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học các huyện miền núi thành phố Hà Nội như đã phân tích trên, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu để tìm ra các giải pháp phù hợp, mang tính khả thi nhằm tăng cường hiệu quả quản lý, cũng như hiệu quả giáo dục KNTBV cho học sinh tiểu học các huyện miền núi thành phố Hà Nội riêng và cả Thủ đô nói chung, tạo tiền đề cho sự hình thành và phát triển những nhân cách cao đẹp, xây dựng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn hiện nay của Thủ đô cũng như cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thanh Âm (2004), *Lịch sử giáo dục thể giới*, Nxb. Giáo dục.
2. Ban khoa giáo Trung ương (2002), *Giáo dục và Đào tạo trong thời kì đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Ban chấp hành Trung ương (2004), *Chỉ thị số 40/CT-TW về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD*.
4. Ban chấp hành TW (2004), *Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo*.
5. Ban chấp hành TW (2009), Thông báo Số: 242-TB/TW, ngày 15.4.2009 kết luận của Bộ chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), *phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020*.
6. Nguyễn Thanh Bình (2004), "Về giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam", *Tạp chí Giáo dục*, (86).
7. Nguyễn Thanh Bình (2008), "Giáo dục kỹ năng sống dựa vào trải nghiệm", *Tạp chí Giáo dục*, (203).
8. Nguyễn Thanh Bình (2009), *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), "Giáo dục kỹ năng sống", *Kỷ yếu hội thảo*
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Chỉ thị số: 40/2008/CT-BGDĐT, ngày 22.7.2008 về việc phát động phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" trong các trường phổ thông giai đoạn 2008-2013.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học, tài liệu dành cho giáo viên lớp 3*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
12. Lê Thị Thanh Chung (2008), *Giáo dục học tiểu học những vấn đề cơ bản*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
13. Tống Văn Chung (2000), *Xã hội học nông thôn miền núi*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.